

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 351/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 07 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Năng N, sinh năm 1999; Địa chỉ: Xóm C, thôn C, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2001; Địa chỉ: Xóm A, thôn C, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2024.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Anh Nguyễn Năng N và chị Nguyễn Thị Thu H.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về con chung: Anh Nguyễn Năng N và chị Nguyễn Thị Thu H có 01 con

chung là: Nguyễn Năng Anh P, sinh ngày 20/02/2021, hiện đang do anh N chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, anh N tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến khi con thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án; Hai bên tự thỏa thuận giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2.2. Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Anh Nguyễn Năng N và chị Nguyễn Thị Thu H cùng xác định không có tài sản chung, công sức và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), anh Nguyễn Năng N và chị Nguyễn Thị Thu H mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2} = 75.000\text{đ}$  (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng hai bên thỏa thuận để anh N chịu cả. Anh Nguyễn Năng N đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0071054 ngày 16 tháng 07 năm 2024, nay chuyển 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) thành tiền án phí nộp vào ngân sách Nhà nước. Anh Nguyễn Năng N được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội trả.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

*Nơi nhận:*

- Dương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- UBND. xã Hải Bối;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Ngọc Lân**